

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2018/DS-PT

Ngày: 03/7/2018

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: - Ông Phạm Đình Thi

- Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959

Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Khu phố M, phường P, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng: Luật sư Thái Đông B thuộc đoàn luật sư Thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Phạm Minh V - Văn phòng luật sư Nguyễn Minh V và cộng sự, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1983

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1966
(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2017)

2. NLQ2, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, Kiên Giang.

3. NLQ3, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

4. NLQ4, sinh năm 1950

5. NLQ5, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, thị xã H, Kiên Giang.

6. NLQ6, sinh năm 1976

7. NLQ7, sinh năm 1997

8. NLQ8, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện L, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Kiên Giang.

9. NLQ9.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Tường Ph, chức vụ: Giám đốc chi nhánh thị xã H.

Địa chỉ: khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Đỗ Thị H.

(Luật sư, ông H, bà Ng, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ng thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do NLQ4 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông bà, tổng diện tích 86.780m² tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số D 0786114, do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã H) cấp ngày 12/8/1995, đến ngày 30/11/1998 được Ủy ban nhân dân thị xã H chấp thuận cho chuyển nhượng. Quá trình sử dụng Nhà nước cho đăng ký cấp đổi giấy, ông bà đã chia tách thửa cho các con, phần còn lại do vợ chồng ông bà đứng tên và đã được cấp đổi giấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 182202 ngày 21/5/2010, gồm các thửa 150 diện tích 13.011,9m², thửa 152 diện tích 1.677,0m² và thửa 164 diện tích 1.991,1m² đã sử dụng ổn định nhiều năm liền.

Tháng 5/2013 Bà Đỗ Thị H giáp ranh đất thuê kobe mức đất làm thay đổi hiện trạng ranh đất giữa gia đình ông bà với bà H. Trước đó năm 2007 giữa gia đình ông bà với bà H xảy ra tranh chấp và được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải thỏa thuận được với nhau. Hội đồng hòa giải xã đã cử cán bộ địa chính kết hợp ấp N xuống đo đạc và tiến hành cắm trụ ranh tổng cộng là 34 trụ. Bà H thuê kobe mức đất đã làm mất 02 trụ ranh số 33-34 và đắp bờ nổi dài bao chiếm lấn vào phần đất của gia đình bà tại đoạn giáp bờ kênh xáng Hà T – Rạch G ra phía hậu đất.

Khi phát hiện sự việc ông bà có phản ánh với bà H nhưng bà H không đồng ý, sự việc được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng không thành. Sau đó Ủy ban nhân dân thị xã H giải quyết bằng Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 17/6/2014, do không đồng ý với quyết định này nên ông H có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Ngày 14/12/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành thông báo số 456/TB-UBND kết luận việc Ủy ban nhân dân thị xã H giải quyết tranh chấp đất đai là không đúng thẩm quyền, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H thu hồi quyết định và yêu cầu các bên tranh chấp khởi kiện tại Tòa án.

Ông bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà H trả lại phần đất theo kết quả đo đạc ngày 19/9/2016 của Tòa án, đất hình tam giác có chiều ngang theo kênh xáng là 6,25m, dài 33m, thuộc thửa 164, 152 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Ngày 26/02/2002 chồng bà là ông Huỳnh Văn Đ (đã chết năm 2007) có nhận chuyển nhượng của ông Lê Hoàng G phần đất có diện tích 58.960m², thuộc thửa 56 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0786114, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/8/1995 mang tên Nguyễn Văn Th. Sau đó vợ chồng bà có tiến hành cải tạo vuông để nuôi tôm. Đến ngày 28/01/2003 bà có thỏa thuận với bà Ng, ông H sang nhượng phần đất mượn chung có diện tích ngang 2,5m x dài 700m với giá là 4.000.000 đồng, nhằm để phục vụ cho việc xả nước nuôi tôm của gia đình.

Tháng 5/2013 bà có thuê kobe tiến hành nạo vét vuông trên nền vuông cũ. Hiện nay phần đất bà sang nhượng lại thì bà chưa được cấp giấy đỏ. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Ng vì nếu tính luôn phần đất tranh chấp thì chiều ngang đất của bà chỉ có 97m, so với sang nhượng trước đây với ông Lê Hoàng G 100m, là vẫn còn thiếu.

NLQ1, NLQ2 và NLQ3 thống nhất trình bày: Anh chị là con của bà H và ông Đ, thống nhất theo lời trình bày của bà H và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

NLQ4 và NLQ5 thống nhất trình bày: Năm 1975 vợ chồng ông bà chuyển đến ấp N sinh sống, có khai khẩn 04 lô đất để trồng lá dừa nước. Đến tháng 8/1995 ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 04 thửa là: 54, 56, 59, 95, tờ bản đồ số 02 với diện tích 198.690m², riêng 02 thửa 56, 95 là tạm giao đến tháng 7/2005.

Năm 1998 ông bà đã chuyển nhượng 02 lô đất thửa 56 diện tích 58.960m² và thửa 59 diện tích 86.780m² cho Ông Nguyễn Văn H, theo đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10/8/1998 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T với giá là 8.000.000 đồng.

Sau này ông H có chuyển nhượng lại thửa số 56 cho ông Lê Hoàng G, ông G không làm mà cho người khác thuê, ông bà có nghe nói ông Đ (là chồng Bà Đỗ Thị H) đã nhận chuyển nhượng lại đất này của ông G và hiện nay do bà H sử dụng. Hai thửa đất 56 và 59 ông bà đã chuyển nhượng cho ông H, đã nhận đủ tiền nên ông bà không còn trách nhiệm gì. Ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NLQ6, NLQ7 và NLQ8 thống nhất trình bày: Năm 1999 chồng của bà Ng là ông Lê Hoàng G có nhận chuyển nhượng của ông H, bà Ng diện tích đất khoảng 06ha, giá chuyển nhượng bao nhiêu thì bà không nhớ. Ông bà sử dụng đến tháng 12/2002 thì chuyển nhượng lại cho ông Đức với diện tích 58.960m², chiều rộng 100m, có tứ cận phía đông giáp ông Bảy H, tây giáp ông Hai T, bắc giáp kinh thầy thuốc và nam giáp kinh xáng lớn (Rạch Gi – Hà T) với giá là 65.000.000 đồng, theo giấy sang nhượng đất lập ngày 26/12/2002. Năm 2007 ông G qua đời vì tai nạn giao thông, nay đất đã sang nhượng cho ông Đ và vợ chồng bà đã nhận tiền đủ nên bà và các con không có ý kiến hay tranh chấp nào khác.

Ông Tiêu Tường Ph - Đại diện NLQ9 trình bày: Ngày 08/01/2016 ông H và bà Ng có vay thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 7711LAV201600046 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 182202. Hiện nay hợp đồng tín dụng của ông H, bà Ng vẫn còn thời hạn, do có phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản đang thế chấp tại ngân hàng, trường hợp diện tích có thay đổi theo quyết định, bản án của Tòa án thì yêu cầu ông H, bà Ng thực hiện lại việc đăng ký thế chấp. Trong vụ án này phía ngân hàng không có yêu cầu độc lập, hay yêu cầu nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

- Bác một phần đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ng về việc yêu cầu Bà Đỗ Thị H trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 59,9m² tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 182202 cấp cho Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ng ngày 24/5/2010 để điều chỉnh giảm diện tích đất tại vị trí theo mô tả trên (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện. Buộc Bà Đỗ Thị H và các con là NLQ1, NLQ2, NLQ3 trả lại quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Ng có diện tích 41m² tọa lạc tại ấp N, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Án sơ thẩm có nêu chiều dài các cạnh và vị trí tiếp giáp theo sơ đồ bản vẽ.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 25/10/2017, Bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm, bà không đồng ý trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 41m², yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà Ng không rút đơn khởi kiện, bà H không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Luật sư V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H tranh luận cho rằng: Về vấn đề xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án thị xã H căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lần cuối cùng ngày 25/8/2017 để xét xử, trong khi lần đo đạc này không có mời bà H tham dự, nên việc xét xử này không đủ cơ sở pháp lý. Về ranh giới đất giữa ông Tám Th với bà Ng ngoài bờ xáng không có cắm trụ đá và ranh giới đất giữa bà Ng với bà H cũng không có cắm trụ đá, nhưng khi đo đạc lại bỏ con mương 5,5m giáp đất ông Tám Th với lý do con mương chung giữa bà Ng với ông Tám Th là không phù hợp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả đất cho gia đình bà Ng không rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H và hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ kiện.

Luật sư B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ng, ông H tranh luận cho rằng: Do các trụ đá số 33, 34 của gia đình bà Ng phía ngoài bị bà H thuê Kobe vào móc đất đã làm mất đi, nên việc đo đạc đất trên cơ sở định vị căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã mất rất nhiều thời gian đo đạc phần đất tranh chấp này, nếu hủy bản án sơ thẩm sẽ mất nhiều thời gian thêm nữa, trong khi phía gia đình bà H không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp có diện tích 41m² là của bà, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Luật sư và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà H, ý kiến đề nghị của Luật sư và hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Luật sư, các bên đương sự và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9 đã có ý kiến không tranh chấp gì trong vụ án này, cũng như có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập những đương sự này tham gia phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Nội dung vụ án: Xét nội dung kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử xét về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông H, bà Ng trình bày là sang nhượng lại của NLQ4 vào năm 1998 và đã được Nhà nước xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/11/1998. Còn theo bà H trình bày phần đất ông H, bà Ng tranh chấp là bà sang nhượng lại của ông Lê Hoàng G vào năm 2002, phần đất này NLQ4 sang lại của ông H, sau đó, ông H sang nhượng lại cho ông G có chiều rộng 100m, còn diện tích thì không rõ do không đo đạc. Sau này bà tiếp tục sang nhượng của ông H một phần con mương chung có diện tích 2,5m, dài 700m theo giấy tay ngày 28/01/2003. Như vậy, về nguồn gốc đất của bà H đang sử dụng đều do mua lại từ phần đất của ông H, bà Ng, hiện nay, bà H vẫn chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2007, giữa vợ chồng ông H và bà H đã phát sinh tranh chấp ranh giới đất và đã được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải thành và tổ chức cho hai bên cắm trụ đá làm ranh để sử dụng ổn định. Đến năm 2010, phía ông H, bà Ng đã đăng ký cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ một thửa 59, tờ bản đồ số 2 có diện tích 86.780m² thành các thửa 77, 94, 95, 118, 150, 152, 164 tờ bản đồ số 5 và có lập sơ đồ trích đo diện tích và bản mô tả diện tích có các chủ sử dụng đất liền kề ký giáp ranh, trong đó có bà H ký tên. Sau đó, ông H đã tách thửa cho các con quyền sử dụng đất, hiện tại vợ chồng ông H, bà Ng đứng tên quyền sử dụng đất gồm các thửa 150 diện tích 13.011,9m², thửa 152 diện tích 1.677,0m² và thửa 164 diện tích 1.991,1m².

[3] Vào tháng 5/2013, phía bà H thừa nhận đã mượn Kobe cải tạo lại ao nuôi tôm, bà cho rằng cải tạo trên diện tích đất hiện hữu, nhưng phía vợ chồng ông H phát hiện bà H mở rộng ao nuôi tôm cho rằng lấn chiếm ranh đất nên phát sinh tranh chấp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2016, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đo vẽ sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ký ngày 26/9/2016 có mặt bà H nhưng bà H không chịu ký tên lý do chỉ ranh không đúng, sau đó, do chưa đủ người giáp ranh đất ký, nên ngày 25/8/2017 Tòa án nhân dân thị xã H tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại phần đất tranh chấp và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đo vẽ sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ký ngày 28/8/2017 xác định phần diện tích đất bà vợ chồng ông H, bà Ng tranh chấp với bà H cả hai sơ đồ đều có các cạnh và diện tích tranh chấp giống nhau, nhưng lần xem xét thẩm định sau này không có mặt bà H. Trong khi diện tích đất tranh chấp theo chứng thư thẩm định giá ngày 03/3/2017 căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2016, thể hiện diện tích đất tranh chấp 48,82m², không có trong sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ký ngày 26/9/2016.

[4] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phía bà H và Luật sư V đã yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành công văn số 08/YC-VKS-DS ngày 21/5/2018 yêu cầu Tòa án thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ. Qua xem xét các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện không được phía bà H thống nhất và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, qua thực tế xác minh việc tranh chấp ranh đất giữa các bên đều không thể hiện có ranh mốc giới cụ thể, nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể tiến hành đo đạc thực địa lại theo yêu cầu của bà H, như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp ranh đất căn cứ theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ký ngày 28/8/2017 nhưng sơ đồ này không có bà H ký tên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nếu căn cứ theo sơ đồ nêu trên giải quyết thì cũng không thể thi hành án được, vì các điểm tranh chấp ABCDEFG không có cột mốc cụ thể nào xác định. Nếu đo đạc lại theo trụ đá các bên tranh chấp thiết lập tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, việc giải quyết có lợi cho bà H sẽ làm mất quyền kháng cáo của phía vợ chồng bà Ng, ông H.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm tranh luận của Luật sư V, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà H và hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà H không phải nộp 300.000 đồng do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Phía bà H không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà H nộp theo biên lai thu tiền số 0004565 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thị xã H;
- THA dân sự thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn